TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 15 - 5 - 2018
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Sơn;

2. Ông Nguyễn Hồng Diện

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lăng Đức Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang tham gia phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Lượng - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh H, xét xử công khai vụ án thụ lý số 227/2017/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1975;

Nơi ĐKHKTT: Thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh H. (Có mặt tại phiên toà)

2. Bị đơn: Chị Khấu Bích V, sinh năm 1978;

Nơi ĐKHKTT: Thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh H;

Chỗ ở hiện nay: Phường G, thị xã A, tỉnh D

(Vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai tại Toà án, anh Nguyễn Thanh B trình bày: Anh và chị Khấu Bích V xây dựng gia đình với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh H. Ngay từ những ngày đầu chung sống anh và chị V không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, chị V không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Những năm gần đây chị V đi làm ăn xa, bỏ mặc cho ba bố con anh tự kiếm sống nuôi nhau, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi

không còn quan tâm đến nhau nữa. Do tình cảm vợ chồng không còn nên anh B làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho anh được xin ly hôn với chị V.

- Về con chung: Anh B trình bày, quá trình chung sống anh và chị V có 02 con chung. Tên các cháu là Nguyễn Minh Ng - Sinh ngày: 16/8/2000 và cháu Nguyễn Thu H - Sinh ngày: 23/8/2002. Khi ly hôn anh B có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh B trình bày sẽ tự thỏa thuận với chị V nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về công nợ chung: Không có, nên anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - chị Khấu Bích V trình bày: Chị và anh B xây dựng gia đình với nhau từ năm 2000, được tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Quá trình chung sống chị và anh B hạnh phúc với nhau khoảng mấy năm đầu, đến năm 2005 do điều kiện kinh tế khó khăn chị đã bàn bạc với anh B cho chị đi xuất khẩu lao động tại nước Malaixia, thời hạn là 03 năm và anh B cũng đồng ý. Mặc dù điệu kiện xa nhau mỗi người mỗi nơi nhưng chị vẫn luôn quan tâm đến chồng con, thường xuyên gọi điện và gửi tiền về để anh B nuôi các con ăn học. Đến ngày 20/9/2008, chị hết thời hạn theo hợp đồng và trở về nước, anh B không tin tưởng chị, cho rằng chị không chung thủy với anh B nên anh B đã đánh chị trước sự chứng kiến của bố mẹ anh B cũng như hàng xóm láng riềng, mặc dù chị có nói thế nào anh B vẫn không nghe. Vì vậy, đến ngày 21/9/2008 chị phải bỏ nhà đi để tìm kiếm việc làm. Cũng kể từ thời gian đó đến nay chị và anh B sống xa nhau mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay, được biết anh Nguyễn Thanh B đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với chị nên chị V nhất trí ly hôn với anh Nguyễn Thanh B.

Về con chung: Chị V xác nhận có 02 con chung như lời trình bầy của anh B. Hiện nay cả 02 cháu Nguyễn Minh Ng và Nguyễn Thu H đang ở với anh B tại khu Vinh Quang, xã T, huyện B, tỉnh H. Để thuận lợi cho việc sinh hoạt, học hành của các cháu chị V đồng ý theo nguyện vọng của anh B là giao cả 02 cháu cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Bản thân chị đi làm ăn xa, thu nhập không ổn định nên chị không có tiền cấp dưỡng nuôi các cháu.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ chung sống với nhau chị V cho rằng có tài sản chung nhưng chị và anh B sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, nên chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng chị V vắng mặt. Tuy nhiên, đến ngày 10/4/2018 Tòa án nhân dân huyện B nhận được Bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 05/4/2018 như đã trình bày ở trên. Nội dung đơn thể hiện chị V đang tạm trú tại phường G, thị xã A, tỉnh D,

chị V nhất trí giải quyết ly hôn với anh B tại Tòa án nhân dân huyện B, nhưng do điều kiện chị đang đi làm ăn xa, chi phí đi lại tốn kém nên chị V xin được giải quyết vắng mặt. Ngoài ra, ngày 20/4/2018 anh B có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, do đó Tòa án đưa vụ kiện xa xét xử theo thủ tục chung.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

- Về quan hệ hôn nhân: Do anh B và chị V có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014: để giải quyết cho anh B được ly hôn với chị V.

- Về việc nuôi con: Căn cứ Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự và nguyện vọng của các cháu Nguyễn Minh Ng, sinh ngày 16/8/2000; cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 23/8/2002 thể hiện trong các biên bản lấy lời khai của các cháu, đề nghị Hội đồng xét xử giao cả 02 cháu Ng và H cho anh Nguyễn Thanh B được nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị V không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đề nghị xem xét.

- Về án phí : Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc anh Nguyễn Thanh B chịu toàn bộ án phí xét xử sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/. Về tố tụng dân sự: Tại thời điểm anh Nguyễn Thanh B có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết ly hôn với chị Khấu Bích V thể hiện chị V có hộ khẩu tại Thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh H, quá trình giải quyết vụ án chị V cung cấp Bản tự khai, nội dung thể hiện Nơi đăng ký tạm trú của chị V thuộc phường G, thị xã A, tỉnh B Dương, tuy nhiên chị V nhất trí lựa chọn giải quyết việc anh B xin ly hôn với chị tại Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, do đó Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2/. Về nội dung:

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Năm 2000 anh Nguyễn Thanh B và chị Khấu Bích V được tìm hiểu tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh H. Điều kiện và thủ tục đăng ký kết hôn tuân theo đúng quy

định của Luật hôn nhân và gia đình. Mặc dù chị V đồng ý giải quyết ly hôn với anh B, không tranh chấp việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, công nợ chung với anh B, ý kiến của chị V được thể hiện trong Bản tự khai ngày 05/4/2018 (bút lục 15,16) nhưng do chị V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và có đơn xin được giải quyết vắng mặt (bút lục 18,19) nên vụ án phải đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Việc nuôi con chung: Xét thấy trách nhiệm nuôi dạy con là nghĩa vụ của bố, mẹ. Vì vậy, việc nuôi 2 cháu là trách nhiệm chung của cả anh B và chị V. Tuy nhiên, vào thời điểm hiện tại chị V đi làm ăn xa không có nơi ăn chốn ở ổn định nên chị V nhất trí giao cả 2 cháu cho anh B nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi cũng như phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu, đúng với quy định của pháp luật.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: Anh B không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh B và chị V đều có quan điểm sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Công nợ chung: Anh B và chị V đều xác nhận không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét để giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh B là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: anh Nguyễn Thanh B và chị Khấu Bích V được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQD14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn ,giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Toà án.

XỬ:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Thanh B được ly hôn với chị Khấu Bích V.

- Về việc nuôi con: Giao các cháu Nguyễn Minh Ng, sinh ngày 16/8/2000; cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 23/8/2002 cho anh Nguyễn Thanh B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Khấu Bích V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Công nợ chung: Các đương sự trình bày không có công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh B phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh B đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 03354 ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang.

- Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Thanh B có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Khấu Bích V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện B
- THADS huyện B;
- UBND xã T
(Nơi ĐKKH) để biết;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Cao Văn Sơn **Nguyễn Hồng Diện** **Vương Thị Thu Hà**